

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/HS-ST
Ngày 12/05/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Trung.

2. Ông Nguyễn Đức Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc, Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 126/2025/HS-ST ngày 26/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2025/QĐXXST-HS ngày 29/04/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngân Văn P, sinh ngày 27/03/1995, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Ngân Văn V (đã chết); con bà Phạm Thị T, sinh năm 1972, Bị cáo có vợ là H Mon Mlô, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2024. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố B, từ ngày 14 tháng 02 năm 2025, cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phùng Văn H, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ; Có mặt.

Bị hại: Ông Trần Văn M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số H N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân Văn P là người sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2023. Do không có nghề nghiệp ổn định và cần tiền mua ma túy sử dụng, nên vào buổi sáng ngày 11 tháng 02 năm 2025, P đi bộ một mình trên các tuyến đường thuộc địa bàn phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để tìm người dân sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 09 giờ 09 phút ngày 11 tháng 02 năm 2025, Ngân Văn P đi bộ đến trước Cửa hàng Đ, tại số H đường N, tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 47R5-6726 của anh Trần Văn M đang dựng trước cửa hàng, trên xe có cắm sẵn chìa khóa và không có người trông coi. Thấy vậy, Ngân Văn P đã đi đến gần, mở khóa, rồi điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726 tẩu thoát về hướng huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 09 giờ ngày 12 tháng 02 năm 2025, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726 đi đến tiệm S thì gặp ông Lê Văn T1. Tại đây, P nói dối với ông T1 về việc P là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726, nhưng do bị mất giấy tờ và muốn bán chiếc xe với giá 1.500.000 đồng, thì ông T1 tin tưởng là sự thật, nên đã đồng ý mua. Sau đó, P đã viết 01 giấy bán xe, rồi đưa cho ông T1. Ông T1 đã đưa cho P số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền có được, P đã đi mua ma túy sử dụng hết. Đến chiều ngày 13 tháng 02 năm 2025, Ngân Văn P đón xe khách đi từ huyện E, tỉnh Đắk Lắk đến khu vực phía trước Siêu thị C, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì bị Công an thành phố B phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển số 47R5-6726, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, loại xe hai bánh, màu: Đỏ đen, số máy: JC43E5757027, số khung: RLHJC4321AY539679, dung tích xi lanh: 109cm³, tài sản đã qua sử dụng, tài sản thu hồi được, thời điểm định giá vào ngày 11 tháng 02 năm 2025, trị giá 6.300.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 352/KL-KTHS ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển số 47R5-6726, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, loại xe hai bánh, màu: Đỏ Đen, số máy: JC43E5757027, số khung: RLHJC4321AY539679, có số máy, số khung không thay đổi và biển số là biển số thật.

Tại Kết luận giám định số 353/KL-KTHS ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận đối với tập tin video ghi lại hình ảnh Ngân Văn P trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 47R5-6726: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Tại bản cáo trạng số: 133/CT-VKS ngày 24/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Ngân Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, những lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, không bị ép cung nhục hình gì.

Những lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là khách quan, đầy đủ và đúng sự thật của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngân Văn P mức án từ tháng đến tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại Trần Văn M không yêu cầu bị can Ngân Văn P phải bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

Buộc bị cáo Ngân Văn P phải bồi thường cho ông Lê Văn T1 số tiền 1.500.000 đồng, là tiền ông T1 đã dùng để mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 47R5-6726, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, loại xe hai bánh, màu sơn đỏ - đen, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn M. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh M nhận quản lý, sử dụng.

Đối với 01 giấy bán xe do bị cáo P viết khi bán xe cho ông T1 và 01 đĩa DVD chứa video được trích xuất từ hệ thống camera của gia đình ông M, ghi lại nội dung hình ảnh bị cáo P trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726. Là các vật chứng của vụ án, nên lưu giữ trong hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác xét xử.

Đối với 01 chiếc áo vải dài tay màu tím, có mũ trùm, là trang phục bị cáo Phùng mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng của vụ án, nhưng không còn giá trị sử dụng và bị cáo P không yêu cầu nhận lại, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã chuyển hồ sơ đến Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, là phù hợp.

Đối với ông Lê Văn T1 là người đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726 từ bị cáo. Nhưng khi mua xe, thì ông T1 không biết chiếc xe mô tô là do bị cáo trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông T1, là có căn cứ và phù hợp.

Đối với những người bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định nhân thân, lai lịch của các đối tượng này, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật, là có căn cứ.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa và cho rằng: Việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa nhưng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo có phần nghiêm khắc. Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong khuôn khổ pháp luật, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo để có tiền mua ma túy sử dụng đã lén một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đỏ - đen, trị giá 6.300.000 đồng của ông Trần Văn M, là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, để có tiền thỏa mãn việc sử dụng ma túy nên vào khoảng 09 giờ 09 phút ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại số H đường N, tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Ngân Văn P đã trộm cắp một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đỏ - đen, trị giá 6.300.000 đồng của ông Trần Văn M, đến ngày 13 tháng 02 năm 2025, thì bị phát hiện xử lý. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn M không yêu cầu bị cáo Ngân Văn P phải bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Buộc bị cáo Ngân Văn P phải bồi thường cho ông Lê Văn T1 số tiền 1.500.000 đồng, là tiền ông T1 đã dùng để mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 47R5-6726, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, loại xe hai bánh, màu sơn đỏ - đen, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn M. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh M nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 giấy bán xe do bị cáo P viết khi bán xe cho ông T1 và 01 đĩa DVD chứa video được trích xuất từ hệ thống camera của gia đình ông M, ghi lại nội dung

hình ảnh bị cáo P trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726. Là các vật chứng của vụ án, cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác xét xử.

Đối với 01 chiếc áo vải dài tay màu tím, có mũ trùm, là trang phục bị cáo Phùng mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng của vụ án, nhưng không còn giá trị sử dụng và bị cáo P không yêu cầu nhận lại, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã chuyển hồ sơ đến Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, là phù hợp.

Đối với ông Lê Văn T1 là người đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726 từ bị cáo. Nhưng khi mua xe, thì ông T1 không biết chiếc xe mô tô là do bị cáo trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông T1, là có căn cứ và phù hợp.

Đối với những người bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định nhân thân, lai lịch của các đối tượng này, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật, là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Ngân Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H1 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/02/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn M không yêu cầu bị cáo Ngân Văn P phải bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Buộc bị cáo Ngân Văn P phải bồi thường cho ông Lê Văn T1 số tiền 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã trả lại 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 47R5-6726 cho ông Trần Văn M nhận quản lý, sử dụng.

Lưu hồ sơ vụ án 01 giấy bán xe do bị cáo Ngân Văn P viết khi bán xe cho ông Lê Văn T1 và 01 đĩa DVD chứa video được trích xuất từ hệ thống camera ghi lại nội dung hình ảnh bị cáo Ngân Văn P trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47R5-6726.

Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Ngân Văn P: 01 chiếc áo vải dài tay màu tím, có mũ trùm, là trang phục bị cáo Phùng mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng của vụ án.

(Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa phòng PC 01 Công an tỉnh Đ và Chi cục Thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột ngày 25/4/2025).

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Ngân Văn P.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. BMT;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh